UBND XÃ HẢI HƯNG
TRƯỜNG MẦM NON HẢI HƯNG A

Số: 71/QĐ-MNHHUNGA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Hưng, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Số 03: Mua gạo, hàng khô, gia vị, đồ biển đông lạnh, thủy hải sản tươi sống, thịt bò, hải sản, thịt gia cầm, rau củ quả, đạu phụ, hoa quả tráng miệng phục vụ cho bếp ăn của trường Mầm non Hải Hưng A học năm học 2026-2027 và hè năm 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HẢI HƯNG A

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-MNHHUNGA ngày 29/10/2026 của Trường Mầm non Hải Hưng A về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, sữa, chất đốt (gas) phục vụ bếp ăn trường học của Trường Mầm non Hải Hưng A năm học 2026-2027 và hè năm 2027;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 29/10/2026 của Trường Mầm non Hải Hưng A và Công ty TNHH chế biến và cung cấp thực phẩm Green.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Mua gạo, hàng khô, gia vị, đồ biển đông lạnh, thủy hải sản tươi sống, thịt bò, hải sản, thịt gia cầm, rau củ quả, đạu phụ, hoa quả tráng miệng phục vụ cho bếp ăn của

trường Mầm non Hải Hưng A học năm học 2026-2027 và hè năm 2027, với các nội dung như sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH chế biến và cung cấp thực phẩm Green.

- Địa chỉ: Thôn Nam Biên, Xã Hải Hậu, Tỉnh Ninh Bình.

- Giá đề nghị trúng thầu: **3.153.336.000đồn**g (Ba tỷ một trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.)

- Tên chủ đầu tư: Trường Mầm non Hải Hưng A.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban phụ trách bán trú và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ HẢI HƯNG T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON HẢI HƯNG A

Lê Thị Đặm

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-MNHUNGA ngày 30 tháng 10 năm 2026)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
1	Bắp cải	Lá phải tươi, mới, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, không có chất kích thích, chát bảo vệ thực vật...Thu hoạch đúng thời vụ.	478,80	20.000	9.576.000
2	Bí ngô (bí đỏ)	Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	706,40	23.000	16.247.200
3	Bí xanh	Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	2.116,92	25.000	52.923.000
4	Bún	Không nấm mốc, không chất bảo quản	2.160,00	15.000	32.400.000
5	Cà chua	Quả tươi, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	842,00	30.000	25.260.000
6	Cà rốt	Củ to đều, không thối, mốc, không biến đổi gen, không có hóa chất bảo quản, không chất bảo vệ thực vật	1.323,00	22.000	29.106.000
7	Cá thu cắt lát	Thủy hải sản tươi, sống sống, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ	536,00	230.000	123.280.000

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
8	Cải chíp	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	392,00	30.000	11.760.000
9	Cải ngọt	Củ to đều, không thối, mốc, không biến đổi gen, không có hóa chất bảo quản, không chất bảo vệ thực vật	581,68	30.000	17.450.400
10	Cải thảo	Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	1.345,60	18.000	24.220.800
11	Chuối tây	Không sử dụng chất bảo quản, không dập, thâm, nhũn.	1.585,40	25.000	39.635.000
12	Cua đồng	Củ to đều, không thối, mốc, không biến đổi gen, không có hóa chất bảo quản, không chất bảo vệ thực vật	658,00	220.000	144.760.000
13	Dầu đậu nành Simply	Simply chai 1lit, 100% dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương… Màu vàng, trong, không vẩn đục, được đóng bao niêm phong, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	1.300,90	70.000	91.063.000
14	Đậu phụ	Đậu có màu trắng tinh, mùi thơm của đỗ tương, không chứa chất bảo quản	498,00	35.000	17.430.000
15	Đậu xanh	Củ to đều, không thối, mốc, không biến đổi gen, không có hóa chất bảo quản, không chất bảo vệ thực vật	503,40	55.000	27.687.000
16	Dẻ sườn ngon	Thịt trên tươi, màu hồng, nước luộc trong, thơm mùi đặc trưng	132,00	190.000	25.080.000

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
17	Dưa hấu	Không sử dụng chất bảo quản, không dập, thâm, nhũn.	832,80	27.000	22.485.600
18	Gạo tẻ	Gạo tẻ bao 50kg, Gạo tẻ đúng chuẩn loại gạo, hạt to tròn,trắng đặc trưng, không mốc mọt không lẫn sạn, không tồn dư chất bảo quản, chất cấm trong trồng trọt	15.581,50	20.000	311.630.000
19	Hành củ	Củ đều, không thối, mốc, không có hóa chất bảo quản	12,00	75.000	900.000
20	Hành củ tươi	Củ đều, không thối, mốc, không có hóa chất bảo quản	154,00	75.000	11.550.000
21	Hành lá	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	166,00	45.000	7.470.000
22	Khoai lang	Củ đều, ngon, bở, không mọc mầm, không thối, không biến đổi gen, không chất bảo quản, chất kích thích…	426,00	35.000	14.910.000
23	Khoai tây	Củ tươi, vàng không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	1.136,80	25.000	28.420.000
24	Miến gạo sợi nhỏ	Sợi đều, không nấm mốc, không chất bảo quản, đảm bảo 1/2 hạn sử dụng	564,00	32.000	18.048.000
25	Miến phở khô	Sợi đều, không nấm mốc, không chất bảo quản, đảm bảo 1/2 hạn sử dụng	360,00	35.000	12.600.000

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
26	Miến phở khô	Sợi đều, không nấm mốc, không chất bảo quản, đảm bảo 1/2 hạn sử dụng	540,00	35.000	18.900.000
27	Mỡ khổ	Mỡ trắng, ngon, không mùi lạ.	231,40	110.000	25.454.000
28	Muối	Muối trắng sạch, không cặn cát. Không chất bảo quản.	222,00	8.000	1.776.000
29	Ngao	Thủy hải sản tươi, sống sống, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ	780,40	32.000	24.972.800
30	Ngô ngọt	Không sử dụng chất bảo quản, không dập, thâm, nhũn.	419,14	30.000	12.574.200
31	Nước mắm	Màu sắc tự nhiên, đảm bảo 1/2 hạn sử dụng. Có hồ sơ Công bố chất lượng sản phẩm đính kèm	30,00	36.000	1.080.000
32	Nước mắm	Màu sắc tự nhiên, đảm bảo 1/2 hạn sử dụng. Có hồ sơ Công bố chất lượng sản phẩm đính kèm	329,00	36.000	11.844.000
33	Quả thanh long	Không sử dụng chất bảo quản, không dập, thâm, nhũn.	664,00	35.000	23.240.000
34	Rau mồng tơi	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	880,60	28.000	24.656.800
35	Rau ngót	Lá phải tươi, mới, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, không có chất kích thích, chát bảo vệ thực vật...Thu hoạch đúng thời vụ.	978,40	35.000	34.244.000
36	Su su	Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	488,80	20.000	9.776.000

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
37	Sườn heo bỏ xương	Thịt trên tươi, màu hồng, nước luộc trong, thơm mùi đặc trưng	529,40	190.000	100.586.000
38	Tép đồng	Thủy hải sản tươi, sống, màu tự nhiên, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ	212,80	170.000	36.176.000
39	Thịt bò	Thịt có màu đỏ tươi, mỡ bò có màu vàng tươi, gân màu trắng và cứng khi ấn vào. Thớ thịt bò nhỏ, mềm, thịt khô ráo, thịt có độ đàn hồi tốt, không bị nhớt và không có mùi hôi. Sờ hơi dính tay.	407,60	270.000	110.052.000
40	Thịt gà ta	Thịt gà thịt sẵn bỏ lòng mề, chân cổ, Da vàng hoặc trắng ngà, thịt không có mùi hôi, có mùi đặc trưng, thịt lọc ra sờ dính tay, co giãn đàn hồi. Thịt không bị nhớt, chảy nước, không có mùi hôi thối.	1.628,10	140.000	227.934.000
41	Thịt lợn nạc	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, bì mềm, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	3.826,20	158.000	604.539.600
42	Thịt lợn sấn bỏ bì	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, bì mềm, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	1.414,20	153.000	216.372.600
43	Thịt ngan	Thịt ngan thịt sẵn bỏ lòng mề, chân cổ, Da vàng hoặc trắng ngà, thịt không có mùi hôi, có mùi đặc trưng, thịt lọc ra sờ dính tay, co giãn đàn hồi. Thịt không bị nhớt, chảy nước, không có mùi hôi thối.	360,00	145.000	52.200.000
44	Thịt vịt bỏ chân cổ	Thịt gia cầm tươi sống, ngon phải được lấy từ gia cầm nuôi khỏe mạnh, an toàn thực phẩm	1.565,80	120.000	187.896.000

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tổng số lượng cả trường	Đơn giá	Tổng thành tiền cả trường
45	Tôm thẻ	Thủy hải sản tươi, sống sống, đúng chủng loại yêu cầu, không có dịch nhớt, không có mùi lạ	469,00	280.000	131.320.000
46	Trứng chim cút	Quả đều, vỏ mỏng, màu lốm đốm, sờ ram ráp nặng tay, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	824,00	85.000	70.040.000
47	Trứng vịt	Trứng tươi mới, không có mùi lạ, vỏ tròn không méo mó. Lòng trắng trong, không loãng quá, lòng đỏ có màu đặc trưng, không bị loãng.	1.490,80	75.000	111.810.000
TỔNG CỘNG					**3.153.336.000**